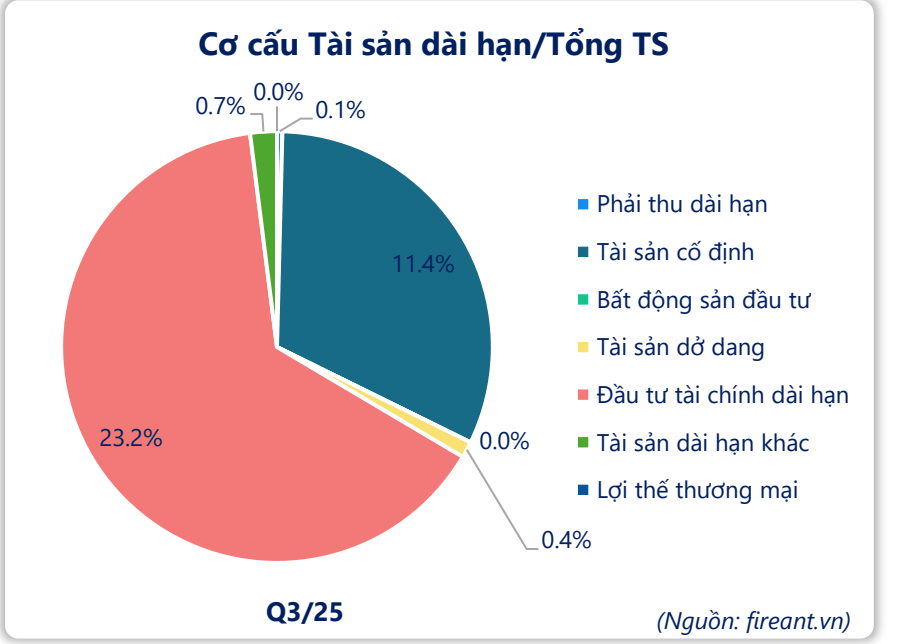
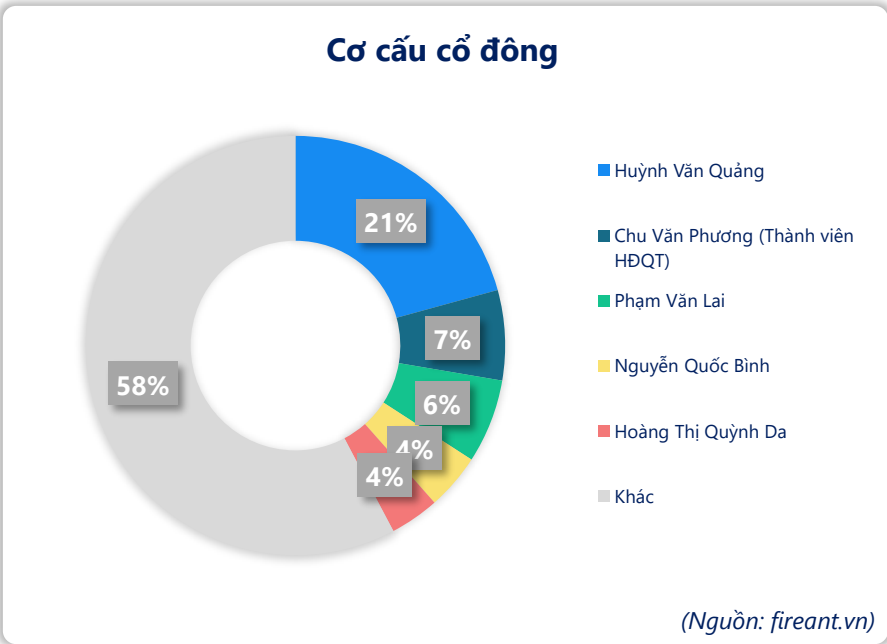
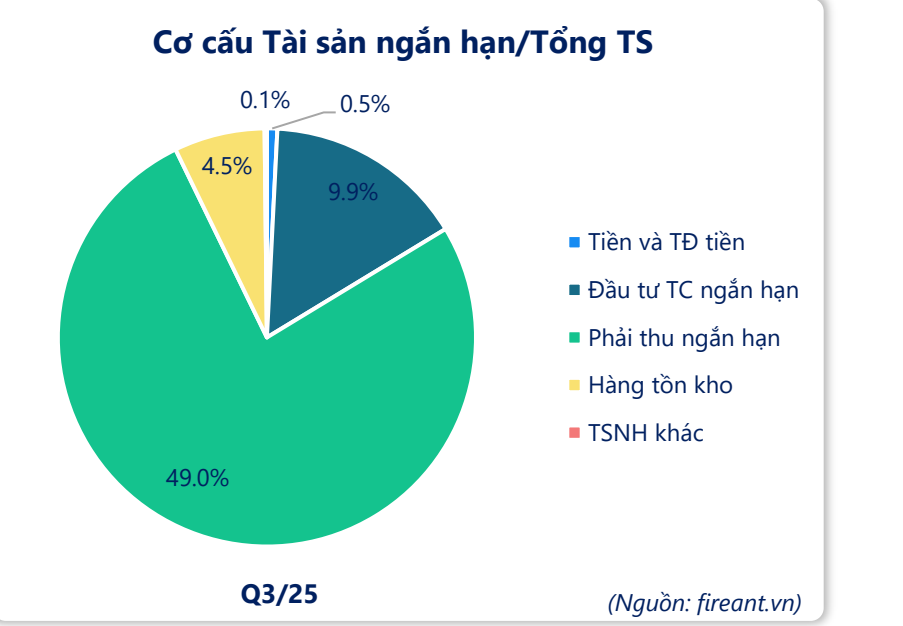
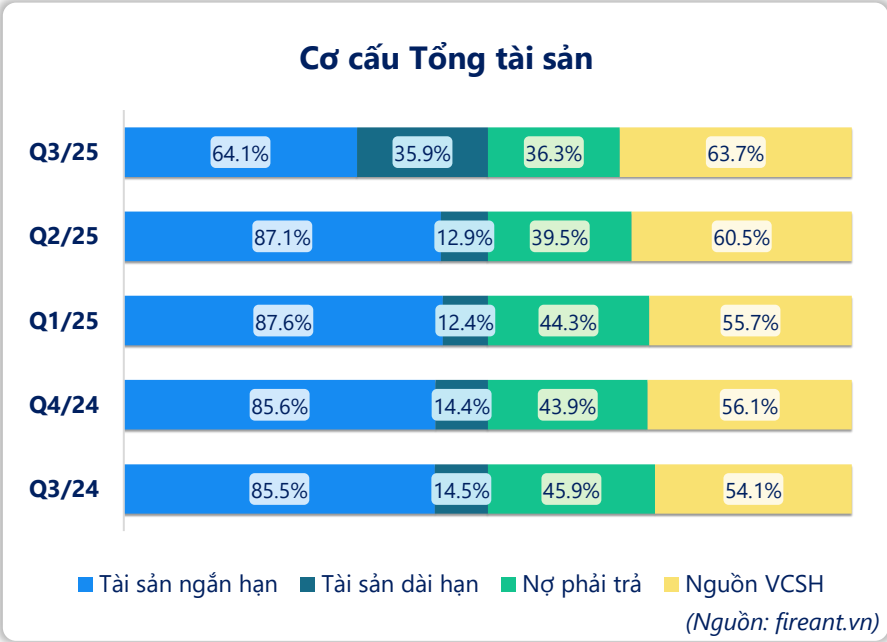
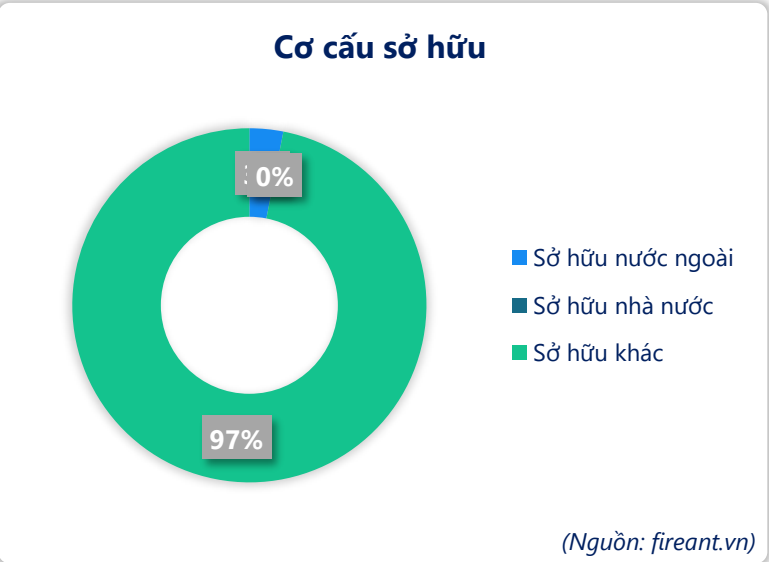
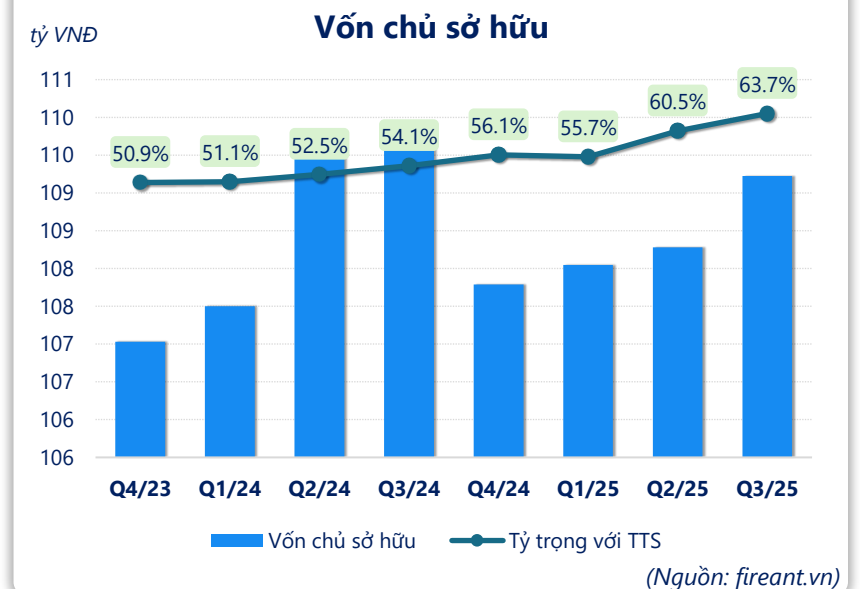
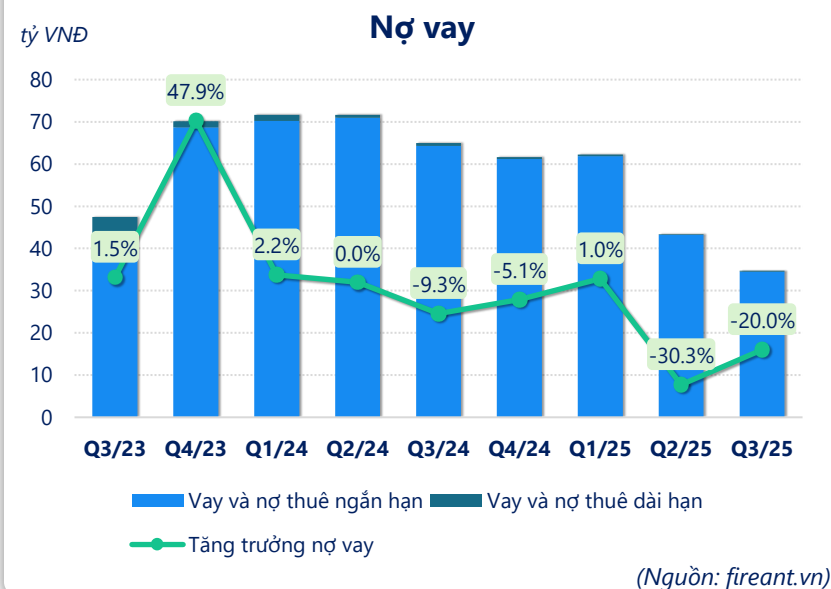
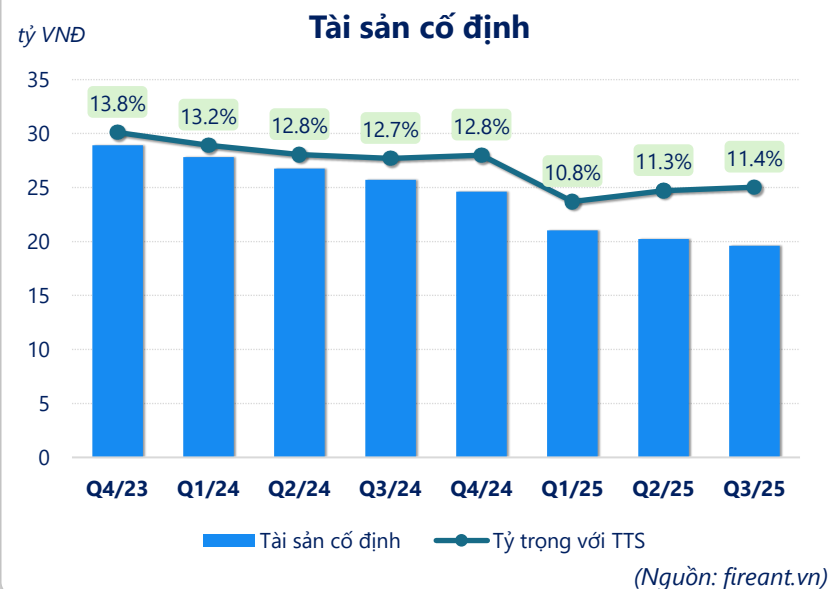
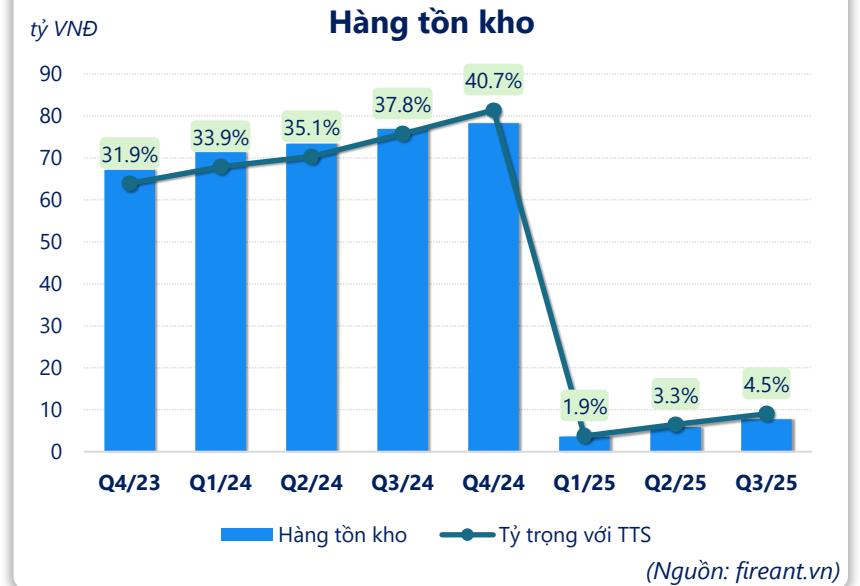
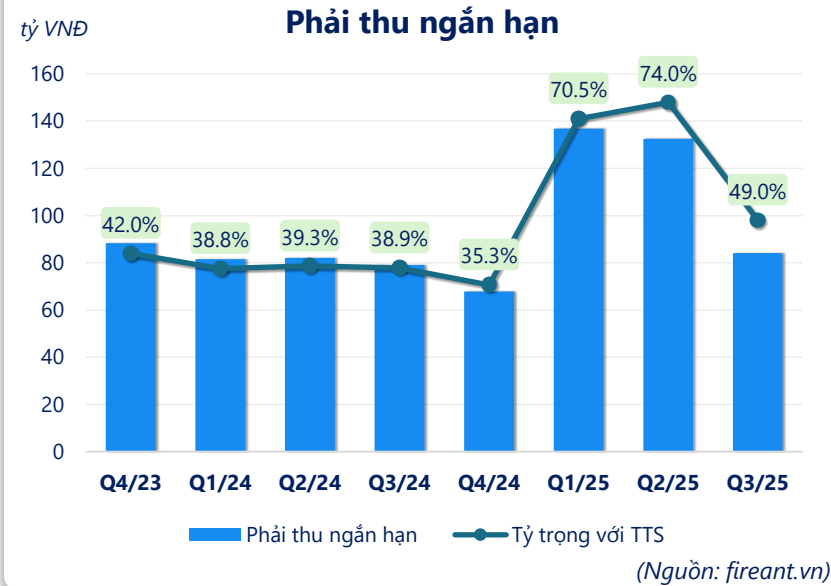
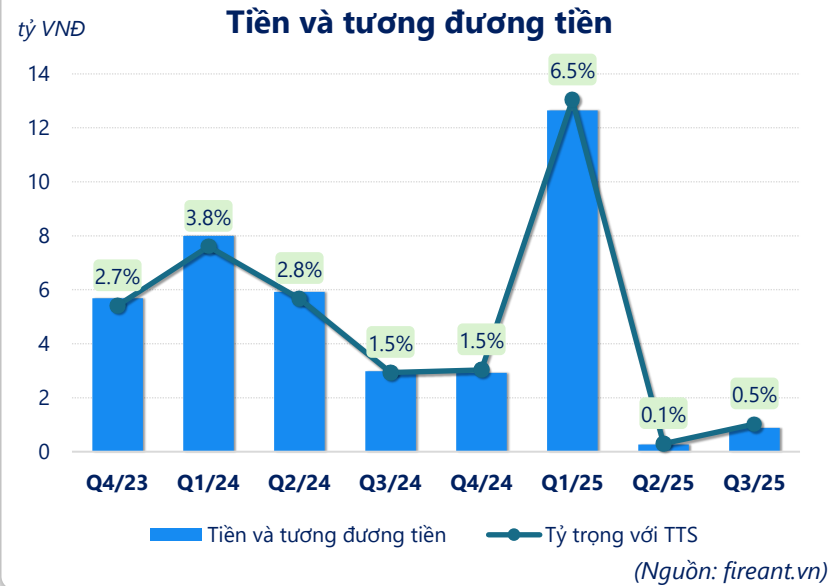
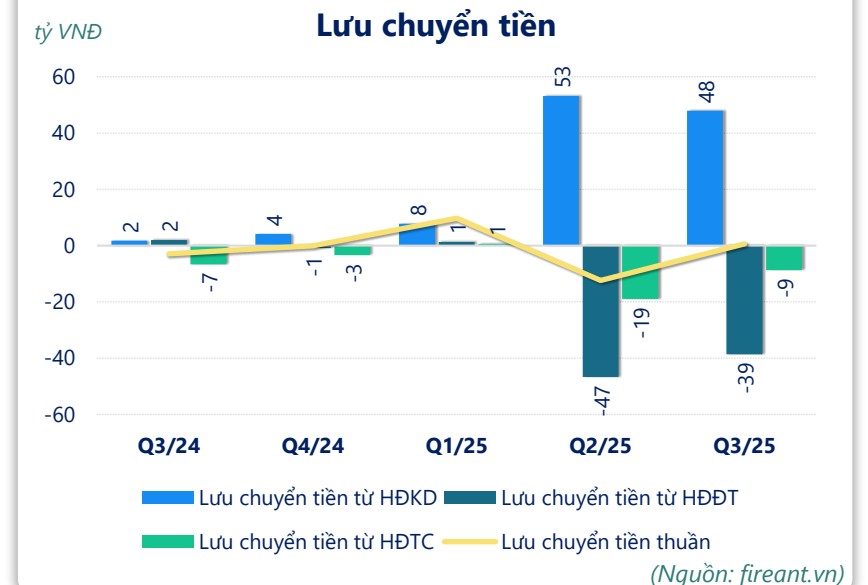
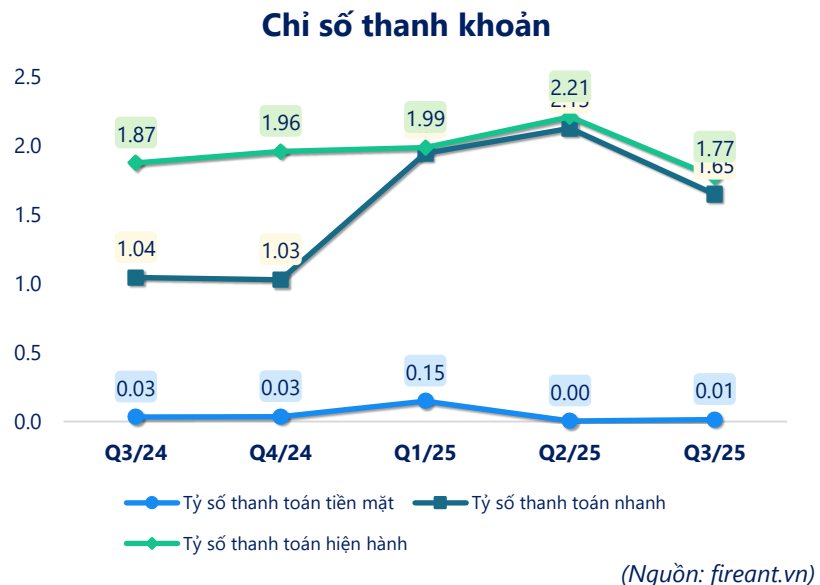
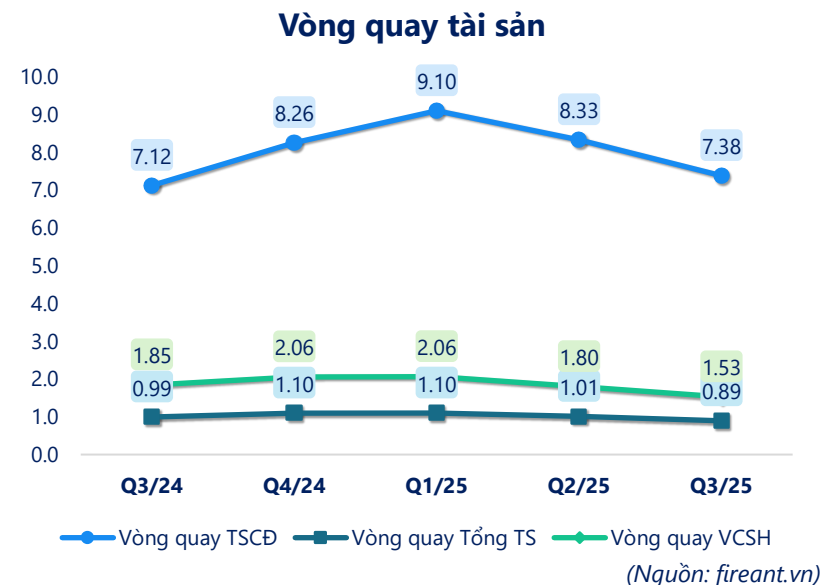
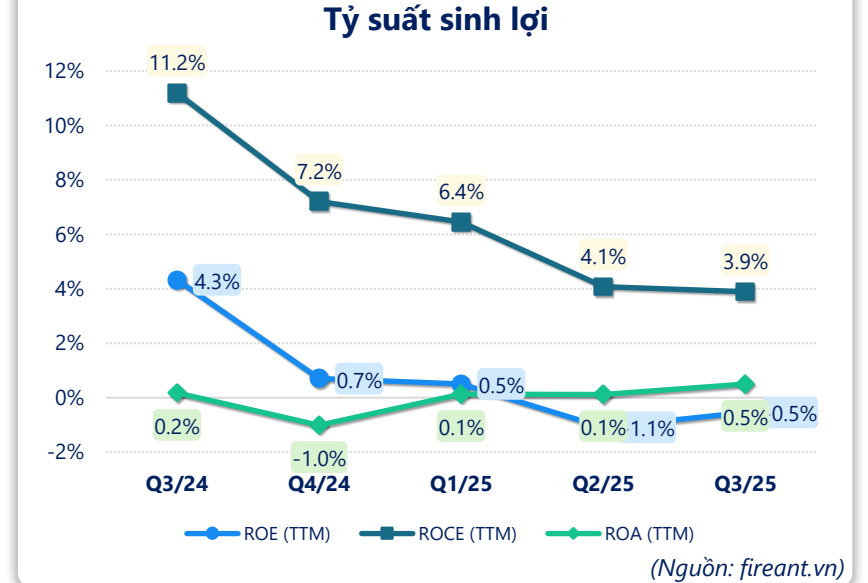
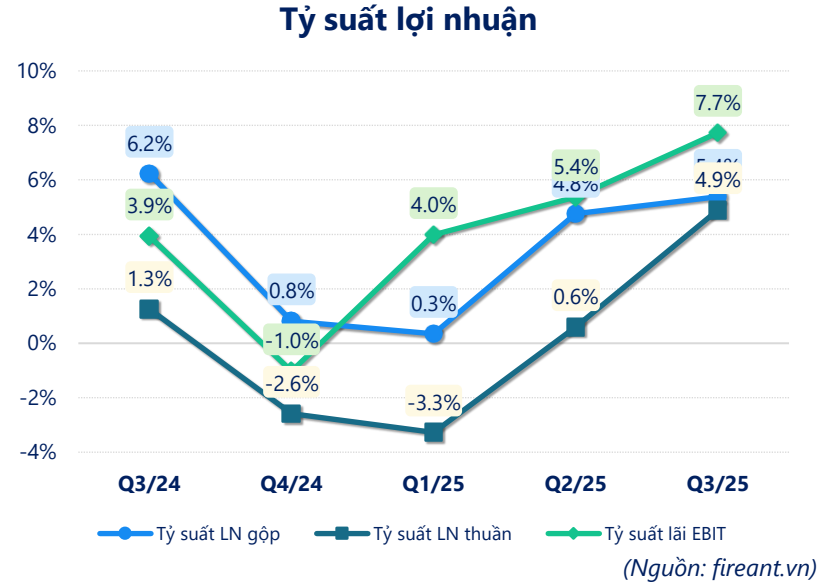
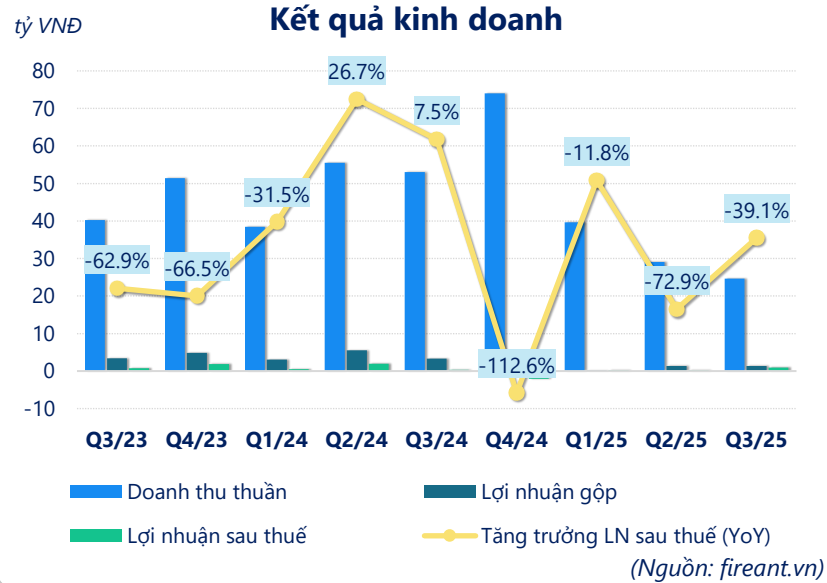


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
SL cổ phiếu LH		9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)		212,050
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		53
P/E		-89.6
EPS		-62

	YTD	1T	3T	6T
PGN	-62.7%	-3.4%	-5.1%	-56.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	171	192	-10.8%
Tài sản ngắn hạn	110	165	-33.2%
Tiền và tương đương tiền	0.88	2.92	-69.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	15.4	10.7%
Phải thu ngắn hạn	84.0	67.9	23.8%
Hàng tồn kho	7.71	78.2	-90.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.18	11.4%
Tài sản dài hạn	61.5	27.7	122%
Phải thu dài hạn	0.25	0.40	-38.6%
Tài sản cố định	19.6	24.6	-20.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.7	0.60	6514%
Tài sản dài hạn khác	1.23	1.30	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.2	84.5	-26.4%
Nợ ngắn hạn	62.0	84.0	-26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.5	61.2	-43.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.7	19.5	31.7%
Nợ dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	108	1.3%
Vốn chủ sở hữu	109	108	1.3%
Vốn điều lệ	94.6	94.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	53.0	74.0	39.7	29.0	24.6
Giá vốn hàng bán	49.7	73.4	39.5	27.7	23.3
Lợi nhuận gộp	3.30	0.60	0.14	1.38	1.32
Doanh thu HĐTC	0.11	-0.06	0.17	0.52	1.12
Chi phí TC	1.41	1.34	1.06	1.17	0.77
Chi phí lãi vay	1.41	1.34	1.06	1.17	0.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.18	0.11	0.01	0	0.02
Chi phí QLDN	1.14	1.01	0.54	0.56	0.46
LN thuần từ HĐKD	0.67	-1.91	-1.30	0.17	1.20
Lợi nhuận khác	0.00	-0.18	1.82	0.21	-0.07
LN trước thuế	0.67	-2.10	0.52	0.39	1.14
Lợi nhuận sau thuế	0.35	-2.03	0.26	0.24	0.94
LNST của CĐ cty mẹ	0.35	-2.03	0.26	0.24	0.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.78	4.13	7.82	53.2	47.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.94	-0.86	1.28	-46.7	-38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.65	-3.34	0.63	-18.9	-8.66
Tiền đầu kỳ	5.92	2.98	2.92	12.6	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	-2.94	-0.07	9.73	-12.4	0.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.98	2.92	12.6	0.27	0.88

(Nguồn: fireant.vn)